

Bản án số: 57/2025/HNGĐ-ST

Ngày 02 – 4 – 2025

Về việc xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Võ Thanh Liêm.

- Ông Tạ Bửu Thương.

- **Thư ký phiên toà:** Bà Ngô Thị Thắm, là Thư ký viên Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 02 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 117/2025/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2025 về việc xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Bùi Văn Đ; sinh năm 1983 (có mặt);

Địa chỉ cư trú: ấp H, xã T, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị Th; sinh năm 1981 (xin vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp H, xã T, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 25/02/2025 và quá trình giải quyết vụ án, ông Bùi Văn Đ trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà Trần Thị Th chung sống vợ chồng vào năm 2000, không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, sau đó phát sinh xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nay ông xác định không còn tình cảm, sống không hạnh phúc nên ông yêu cầu ly hôn bà Th.

Về con chung: Ông xác định có 03 người con chung tên Bùi Văn H, sinh ngày 20/7/2002; Bùi Văn H', sinh ngày 16/6/2004; Bùi Thị Như Y, sinh ngày 12/6/2006. Hiện con chung đã trưởng thành không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: ông xác định không nợ ai và không ai nợ lại anh chị.

- Tại bản tự khai, biên bản ghi nhận ý kiến và quá trình giải quyết vụ án, bà Trần Thị Th trình bày:

Về hôn nhân: Thời gian, điều kiện kết hôn, chung sống vợ chồng đúng như ông Đ trình bày. Quá trình chung sống vợ chồng cũng có mâu thuẫn, sống không hạnh phúc, nay ông Đ xin ly hôn bà đồng ý.

Về con chung: Bà xác định có 03 người con chung tên Bùi Văn H, sinh ngày 20/7/2002; Bùi Văn H', sinh ngày 16/6/2004; Bùi Thị Như Y sinh ngày 12/6/2006. Hiện con chung đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Bà xác định không nợ ai và không ai nợ lại anh chị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Trần Thị Th có yêu cầu xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Ông Bùi Văn Đ và bà Trần Thị Th chung sống vợ chồng vào năm 2000, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, do đó không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng nên không được công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 14 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Ông Đ, bà Th xác định có 03 người con chung tên Bùi Văn H, sinh ngày 20/7/2002; Bùi Văn H', sinh ngày 16/6/2004; Bùi Thị Như Y, sinh ngày 12/6/2006, hiện các con chung đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Ông Đ, bà Th xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét;

[5] Về nợ chung: Ông Đ, bà Th khai vợ, chồng không nợ ai và không ai nợ lại vợ, chồng nên không đặt ra xem xét.

[6] Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Các Điều 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Không công nhận ông Bùi Văn Đ và bà Trần Thị Th là vợ chồng.

- Về con chung: Có 03 người con chung tên Bùi Văn H, sinh ngày 20/7/2002; Bùi Văn H', sinh ngày 16/6/2004; Bùi Thị Như Y, sinh ngày 12/6/2006, hiện các con chung đã trưởng thành nên không đặt ra trách nhiệm nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

- Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình, ông Bùi Văn Đ phải chịu 300.000đ. Ngày 28 tháng 02 năm 2025, ông Đ đã dự nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai số 0010398 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau nên được đổi trừ chuyển thu sung công quỹ nhà nước.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Lê Thị Thu

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp.Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.